



ISO 9001 -2008

**CÔNG TY CỔ PHẦN SXKD XNK BÌNH THẠNH – GILIMEX**

Add: Tầng 4, Gilimex Building, 24C Phan Đăng Lưu, P.6, Q.Bình Thạnh, Tp HCM

Tel: +84.8.38434778, 3890721; Fax: +84.8.35510585

Email: [gilimex@gilimex.com](mailto:gilimex@gilimex.com);

website: [www.gilimex.com](http://www.gilimex.com)

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**

**Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2011**

# MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	03
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	04
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	08
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	12
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	16
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	21
BÁO CÁO PHỤ CẤP CỦA HĐQT VÀ BKS	23
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	24
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	29
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	40

## **THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Kính thưa toàn thể cổ đông GILIMEX,*

Trong những năm đầy thử thách này, kinh tế toàn cầu chưa phục hồi hoàn toàn, kinh tế trong nước nhiều biến động vĩ mô, giá cả hàng hóa tăng và biến động mạnh, chi phí sử dụng vốn cao ..., Các thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Gilimex luôn nhận thức được trách nhiệm cao cả nhưng cũng rất nặng nề mà các cổ đông đã tin tưởng giao phó. Chúng tôi luôn giám sát và chỉ đạo chặt chẽ Ban giám đốc trong việc thực thi chiến lược công ty và các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng luôn chia sẻ, động viên tập thể lãnh đạo, người lao động của Công ty trong những lúc khó khăn. Và chúng ta đã có được một hệ thống quản trị nội bộ tốt, một đội ngũ cán bộ nhân viên đoàn kết, nhiệt tình và hiệu quả.

Năm 2010 tiếp tục là một năm khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng, tập thể lãnh đạo Công ty, cùng với các phòng ban chức năng đã nỗ lực, tìm tòi các giải pháp thích hợp để phát huy nguồn lực của Công ty, động viên cán bộ công nhân viên vượt qua khó khăn, phấn đấu thực hiện các mục tiêu kinh doanh và đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan.

Thực hiện định hướng chiến lược phát triển Công ty theo nghị quyết của Đại hội cổ đông, chúng tôi xác định trong những năm tới Gilimex sẽ tập trung vào các hoạt động chính như sau :

- Phát huy thế mạnh và uy tín của Gilimex để tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất làm ngành kinh doanh chủ lực.
- Phát triển các dịch vụ mang lại lợi ích cho công ty từ lợi thế của đơn vị xuất khẩu.
- Tùy theo tình hình của thị trường để phát triển những dự án bất động sản của Gilimex đảm bảo an toàn tài chính và hiệu quả cao nhất.

Năm 2011, Hội Đồng Quản Trị Gilimex sẽ nỗ lực thường xuyên, bám sát tình hình để có những quyết sách phù hợp với diễn biến của thị trường nhằm bảo toàn và phát triển tài sản của Quý cổ đông đã ủy thác và kỳ vọng vào Công ty.

Thay mặt HĐQT Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh XNK Bình Thạnh Gilimex, tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông của công ty và đặc biệt là những cổ đông đã có mặt cùng chúng tôi từ những ngày đầu cổ phần hóa và vẫn tiếp tục sát cánh cùng chúng tôi để xây dựng Công ty Gilimex phát triển bền vững.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

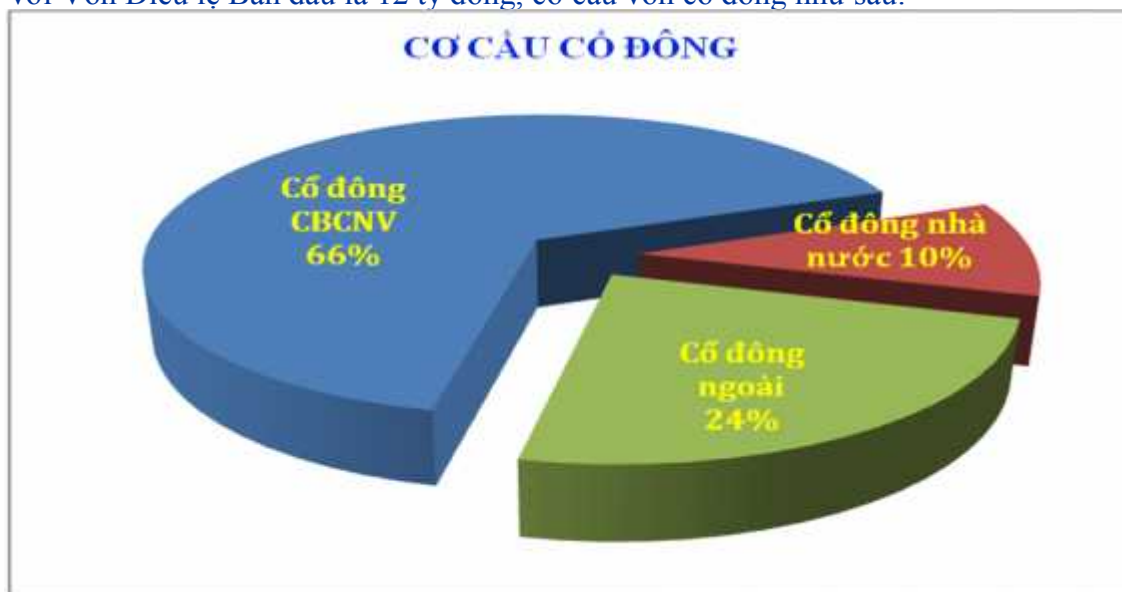
**NGUYỄN BĂNG TÂM**

# LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## 1. Những sự kiện quan trọng:

### 1.1. Việc Thành lập:

- Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh được thành lập theo Quyết định cổ phần hóa số 134/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ Tướng Chính phủ từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản Xuất Kinh doanh Xuất nhập Khẩu Bình Thạnh có tiền thân là Công ty Cung ứng hàng xuất khẩu Quận Bình Thạnh được thành lập từ năm 1982 theo Quyết định số 39/QĐ-UB ngày 19/03/1982 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 27/12/2000, Công ty đã tiến hành Đại hội Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần với Vốn Điều lệ Ban đầu là 12 tỷ đồng, cơ cấu vốn cổ đông như sau:



- Ngày 29/12/2000, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 và Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh chính thức hoạt động từ ngày 01/01/2001.

### 1.2. Niêm yết:

- Ngày 02/01/2002, Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu thứ 11 được chính thức niêm yết giao dịch tại HoSE.
- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán : GIL
- Mệnh giá : 10.000 đồng / cổ phiếu
- Số lượng niêm yết hiện nay : **12.774.588** cổ phiếu

### 1.3. Các sự kiện:

- Tháng 8/2001 : Công ty nâng vốn Điều lệ lên 17 tỷ đồng
- Năm 2003 : Vốn điều lệ của Công ty là 25,5 tỷ đồng

- Năm 2005 : Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 45,5 tỷ đồng để thực hiện Dự án Cao ốc Văn phòng tại số 24C Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Tháng 9/2007, để thực hiện Dự án Xí nghiệp may Tại Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công ty đã huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ lên thành 102.198.810.000 đồng.
- Tháng 4/2010, Công ty chia cổ tức 25% bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2009, tăng Vốn điều lệ từ 102.198.810.000 đồng lên 12.774.588.000 đồng.

## **2. Quá trình phát triển:**

### **2.1. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:**

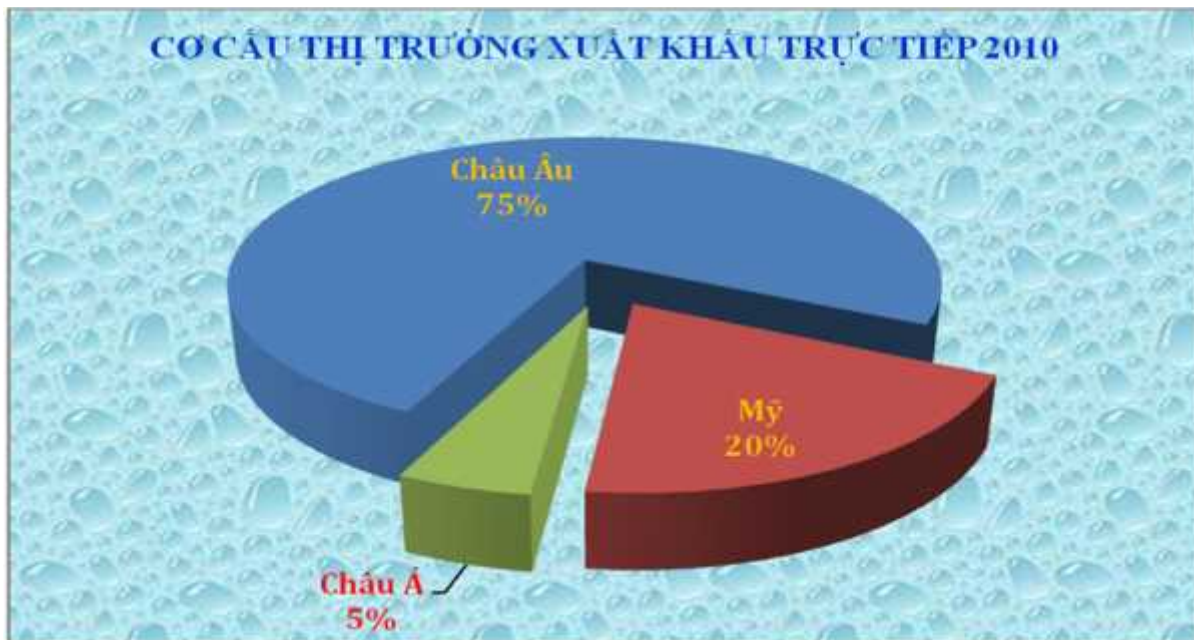
- Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng may mặc, nông lâm thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, hàng da, cao su, lương thực thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác.
- Nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử.
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ cầm đồ.
- Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc.
- Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

### **2.2. Các mốc phát triển :**

- Tháng 10/2006 : Khởi công xây dựng Cao ốc văn phòng 24C Phan Đăng Lưu, Bình Thạnh, TP.HCM
- Tháng 10/2007 : Khởi công xây dựng xí nghiệp may ba lô, túi xách tại Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Tháng 8/2008 : Xí nghiệp may Phú Mỹ hoạt động với tên Công ty TNHH một thành viên Thạnh Mỹ.
- Tháng 1/2010 : Cao ốc văn phòng Gilimex Building đã hoàn thiện và được đưa vào khai thác.
- Quý I/2011: Hợp tác với Phong Phú phát triển các nhà máy sản xuất tại Miền Trung (Huế và Đà Nẵng).

### **2.3. Tình hình hoạt động:**

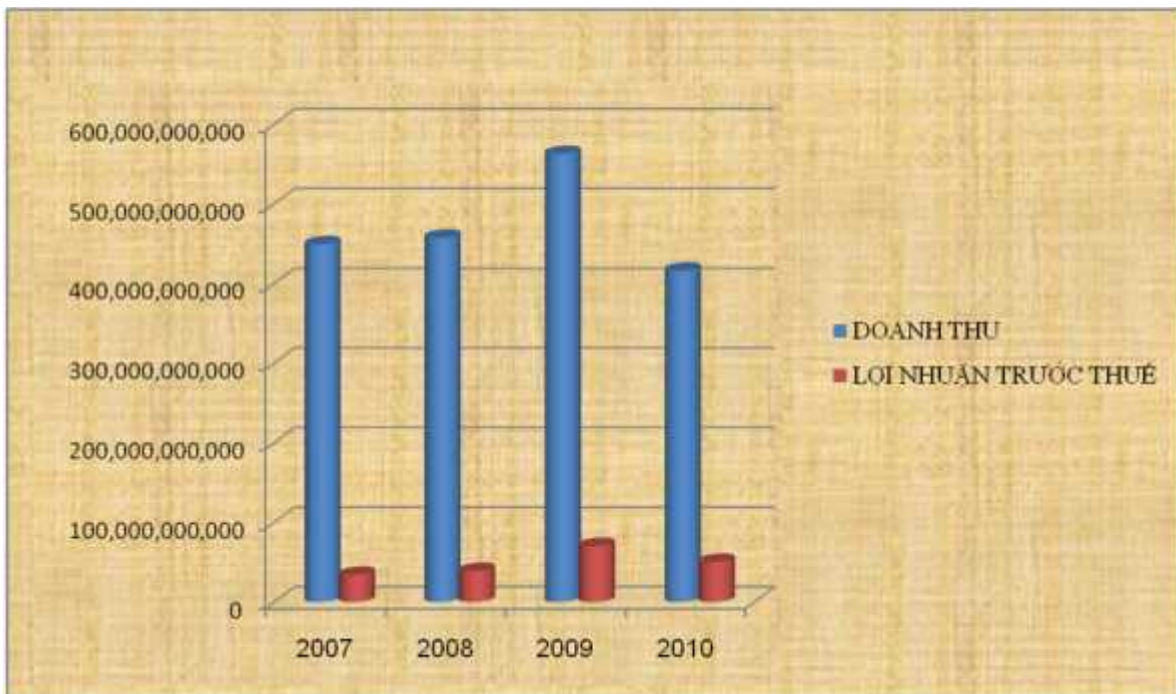
Gần 30 năm thành lập và trưởng thành, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên tục phát triển, mở rộng quy mô đầu tư xây dựng các cửa hàng, nhà xưởng với hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9001: 2000 đã được chứng nhận và liên tục cải tiến nâng cao hiệu quả, tăng doanh thu xuất khẩu trực tiếp từ 2 triệu USD trong những năm đầu thành lập lên gần 20 triệu USD những năm 2009, 2010 (không tính xuất nhập khẩu ủy thác) với thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng ra các thị trường như:



Đến nay, GILIMEX đã khẳng định được vị trí của mình trước công chúng và nhà đầu tư, là một trong những công ty niêm yết hoạt động có hiệu quả.

Doanh thu và lợi nhuận của công ty qua các năm như sau:

**BIỂU ĐỒ DOANH THU - LỢI NHUẬN**



CHỈ TIÊU/NĂM	ĐVT	2007	2008	2009	2010
DOANH THU	VNĐ	449.156.127.391	457.347.311.465	562.616.139.148	416.011.725.891
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	VNĐ	34.073.823.117	38.797.632.822	70.107.982.297	50.261.571.206

### 3. Định hướng phát triển:

#### 3.1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Tập trung đầu tư, mở rộng ngành may xuất khẩu, phát triển các sản phẩm mới, tăng doanh thu xuất khẩu trực tiếp vào các thị trường lớn như Mỹ, EU.
- Đẩy mạnh giới thiệu sản phẩm ba lô, túi xách của Công ty, tăng doanh thu bán hàng trong nước.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động. Đánh giá, sắp xếp lại nhân sự hợp lý để phát huy tiềm lực con người, tạo điều kiện cho những cá nhân có tài năng phát triển sự nghiệp của mình và gắn bó với công ty. Ứng dụng các phương pháp quản trị sản xuất hiện đại để tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, tăng tính cạnh tranh cho Công ty.

### **3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Ngành may vẫn là ngành chủ lực của GILIMEX, duy trì và khai thác hiệu quả công suất của 2 nhà máy hiện có là Nhà máy Gilimex Bình Thạnh và nhà máy Gilimex Thạnh Mỹ, đầu tư phát triển sản xuất tại Miền Trung, năm 2011 sẽ đầu tư cải tạo và mở rộng nhà máy tại Huế từ 4 chuyền lên 16 chuyền, đầu tư xây dựng nhà máy tại Đà Nẵng quy mô 22 chuyền, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm ngành này dự kiến đạt từ 20% đến 30%.
- Nghiên cứu xây dựng và phát triển bán sản phẩm ba lô, túi xách của Công ty tại thị trường nội địa với mục tiêu tăng trưởng 20% doanh thu.
- Nghiên cứu đầu tư các dự án bất động sản hiện có của Công ty với mục tiêu sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## **1. Kết quả hoạt động trong năm:**

Năm 2010 mặc dù tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước gặp nhiều khó khăn, tuy vậy bằng sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên, năm 2010 hoạt động kinh doanh của Gilimex đạt được những kết quả khả quan, một số chỉ tiêu kinh doanh sau:

- Doanh thu xuất khẩu trực tiếp: 18.triệu USD
- Doanh thu: 416,01 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 36,75 tỷ đồng
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 3.039 đồng

So với các chỉ tiêu và mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông công ty Gilimex đề ra cho năm 2010, kết quả kinh doanh đã không đạt được. Tuy nhiên trong tình hình khó khăn chung và thị trường biến động mạnh, giá đầu vào tăng cao, mặt khác năm 2010 đã không còn chính sách kích cầu hỗ trợ của nhà nước, nên kết quả kinh doanh đạt được năm 2010 là khả quan và rất đáng khích lệ.

Tại Đại hội này, chúng ta biểu dương tập thể những người lao động tại công ty Gilimex đã lao động miệt mài, đầy nỗ lực cố gắng và sáng tạo vượt qua khó khăn thách thức để giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, duy trì uy tín thương hiệu Gilimex, đảm bảo lợi ích của cổ đông và đảm bảo đời sống của người lao động. Đại hội cũng xin kêu gọi tập thể CB–CNV tiếp tục đoàn kết, hợp tác, chung sức, chung lòng xây dựng công ty Gilimex phát triển bền vững trong những năm sắp tới.

## **2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã tiến hành 12 (mười hai) phiên họp để quyết định các vấn đề chính sau:

- Chuẩn bị, tổ chức và triển khai thực hiện kết quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2009;
- Thông qua các báo cáo sản xuất kinh doanh hàng quý, bán niên, năm và các chỉ tiêu kế hoạch Quý, bán niên và năm;
- Thông qua kế hoạch triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2010 và những năm sắp đến.
- Thông qua mô hình tổ chức quản trị Công ty.
- Thông qua việc bổ nhiệm một số nhân sự quản lý cao cấp nhằm hoàn thiện bộ máy quản lý.
- Thông qua phương hướng triển khai các dự án bất động sản của Gilimex.
- Thông qua phương án tạm ứng cổ tức, dự kiến chia cổ tức năm.
- Thông qua phương án hợp tác đầu tư mở rộng sản xuất tại Miền Trung.
- Thông qua phương án sắp xếp lại hoạt động tại xưởng may Thanh Mỹ.
- Thông qua chủ trương sắp xếp lại nguồn nhân lực nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trong tình hình thị trường cạnh tranh ngày càng khắt nghiệt.
- Thông qua phương án vay vốn lưu động để khai thác lợi thế xuất khẩu thu ngoại tệ của



Công ty.

- Thông qua một số nghị quyết về quản trị công ty thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

### **3. Công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý:**

Hiện có 3 (ba) trong số 5 (năm) thành viên của Hội đồng quản trị tham gia điều hành trong Công ty vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý. Cụ thể :

- Hàng quý Ban Tổng giám đốc đều có báo cáo để Hội đồng quản trị nắm rõ diễn biến các hoạt động của Công ty và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.
- Tham gia họp với Ban Tổng giám đốc và các đối tác có liên quan khi có các vấn đề quan trọng trong kinh doanh, đầu tư...
- Tham gia ý kiến hoặc chỉ đạo trực tiếp đối với các vấn đề phát sinh quan trọng hoặc đột xuất.

Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy :

#### **a. Về quản lý sản xuất kinh doanh:**

Ban Tổng giám đốc kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình quản lý điều hành Công ty phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và yêu cầu của Hội đồng quản trị. Ban giám đốc đã rất nỗ lực, luôn cố gắng suy nghĩ tìm tòi, năng động và sáng tạo để quản lý, lãnh đạo Công ty đi đúng hướng cũng như đưa ra những giải pháp phù hợp và kịp thời nhằm đưa công ty vượt qua những khó khăn thách thức của thị trường, khai thác hiệu quả các nguồn lực của Công ty, tích cực mở rộng quan hệ đối tác đảm bảo phát triển bền vững lâu dài cho Công ty.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty có tầm nhìn, năng động, tư duy cải tiến và quản lý hiệu quả, nhanh nhạy trong việc nắm bắt và thích nghi với tình hình đầy biến động của thị trường, điều hành và quản lý kinh doanh hiệu quả, thường xuyên quan tâm chăm sóc đến đời sống vật chất cũng như tinh thần của cán bộ công nhân viên, đặc biệt là công nhân lao động, lần đầu tiên, trong tình hình khó khăn chung về nhân công, sau dịp tết Nguyên đán 100% công nhân đã quay trở lại nhà máy làm việc.

#### **b. Về quản lý tài chính:**

Tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban Kiểm soát Công ty.

Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh hiệu quả.

### **ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

*Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra. Tình hình kinh doanh ổn định, đạt được kết quả khả quan và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Công ty những năm sắp đến. Công tác quản lý chặt chẽ, hiệu quả, vốn được bảo toàn và phát triển.*

### **4. Định hướng phát triển:**

#### **a) Các mục tiêu chủ yếu trong năm 2011:**

- Tập trung đầu tư, cải tiến quy trình sản xuất theo phương pháp quản trị sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng suất với mục tiêu tăng 10% năng suất hiện tại.
- Xây dựng chính sách tốt đối với người lao động nhằm chăm sóc và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, một mặt động viên và khích lệ tinh thần gắn bó và làm việc của cán bộ công nhân viên hiện tại, mặt khác thu hút được lực lượng nhân lực mới đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong thời gian tới.
- Tiếp tục khai thác hiệu quả cao ốc văn phòng Gilimex đạt tỷ lệ cho thuê 90%, xúc tiến các thủ tục pháp lý triển khai các dự án bất động sản của Công ty.
- Phát triển thương hiệu Gilimex tại thị trường trong nước cũng như ngoài nước, thiết lập kênh phân phối ba lô, túi xách ở thị trường nội địa với mục tiêu tăng 20% doanh số nội địa.
- Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản trị Công ty theo hướng tinh gọn hiệu quả, tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp nhân lực nhằm nâng cao tính cạnh tranh của Công ty.
- Tiếp tục cải tiến hoàn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2008 tại 2 Nhà máy Gilimex Bình Thạnh và Gilimex Thạnh Mỹ.
- Xây dựng và hoàn thiện các quy trình quản lý nhằm kiểm soát chi phí, giám sát giá thành sản xuất đảm bảo hiệu quả hoạt động của công ty.
- Mục tiêu sản xuất kinh doanh 2011 của Gilimex như sau:
  - Doanh số: 456,00 tỷ VNĐ
  - Lợi nhuận trước thuế: 56,00 tỷ VNĐ
  - Lợi nhuận sau thuế: 39,30 tỷ VNĐ

#### **b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn 2010 – 2015:**

Mục tiêu chiến lược của Gilimex đến năm 2015 là trở thành công ty hàng đầu trong ngành sản xuất, xuất khẩu ba lô, túi xách kết hợp với dịch vụ và kinh doanh bất động sản như cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại, chung cư cao cấp. Do vậy nhiệm vụ chủ yếu phải:

- Đầu tư nâng cấp nhà xưởng và tổ chức sản xuất có hiệu quả tại Nhà máy Gilimex Bình Thạnh, ổn định sản xuất tại nhà máy Gilimex Thạnh Mỹ và đầu tư phát triển sản xuất tại Miền Trung để đến năm 2015 dự kiến doanh thu ngành may xuất khẩu trực tiếp sẽ tăng 3 lần so với doanh thu hiện nay.
- Đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D) đặc biệt là trong lĩnh vực thiết kế sản phẩm mới, bắt kịp với thị hiếu của thị trường đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.
- Triển khai dự án xây dựng và phát triển thương hiệu ba lô, túi xách của Gilimex tại thị trường có hơn 80 triệu dân trong nước mà chủ yếu là dân số trẻ.
- Công ty tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ và quản trị chất lượng để gia tăng hiệu quả, đảm bảo chất lượng sản phẩm, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường xã hội nằm phục vụ tốt nhất cho khách hàng và người lao động. Mạnh dạng tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực trẻ kể cả tuyển dụng chuyên gia nước ngoài có đủ năng lực để điều hành và vận hành hệ thống Gilimex đang lớn mạnh.
- Khai thác tốt nhất Cao ốc cho thuê Gilimex để nâng cao hiệu quả và PR hình ảnh của Công ty.

- Tùy theo tình hình thị trường để có kế hoạch đầu tư khai thác các dự án bất động sản của Công ty Gilimex, ưu tiên dự án 4.200 m<sup>2</sup> tại Bình Triệu, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý các dự án tại Bình Quới và một số bất động sản khác của Công ty.

*Tình hình kinh tế trong và ngoài nước trong thời gian tới vẫn còn nhiều khó khăn và biến động, với nhiều biến số vĩ mô chưa lường hết được. Tuy nhiên, với lợi thế uy tín thương hiệu Gilimex trên thị trường, năng lực tài chính tốt, kinh nghiệm quản lý cùng đội ngũ quản lý năng động, sáng tạo và bản lĩnh, cùng với sự tin tưởng, ủng hộ của cổ đông, chúng ta có thể hy vọng rằng Gilimex sẽ tiếp tục con đường phát triển vững chắc và tiếp tục mang đến cho quý cổ đông những giá trị mới tốt đẹp hơn.*

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

Năm 2010, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới sau khủng hoảng chưa phục hồi hoàn toàn, kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, các chỉ số vĩ mô biến động mạnh, nhà nước đã ngưng các chính sách ưu đãi như chương trình kích cầu hỗ trợ lãi suất, hoãn nộp thuế ... đã tác động nhiều tới hoạt động của các doanh nghiệp. Tuy vậy, bằng nhiều nỗ lực và quyết tâm của tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên, tìm tòi nhiều giải pháp và chính sách kinh doanh phù hợp, khai thác có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm chi phí, đầu tư máy móc hiện đại và cải tiến quy trình sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chăm sóc động viên kịp thời đời sống cán bộ công nhân viên để cùng nhau vượt qua khó khăn, tuy không đạt được các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Đại hội cổ đông đề ra, kết quả kinh doanh năm 2010 đạt được của Gilimex là khả quan trong bối cảnh khó khăn chung.

Doanh thu: 416,01 tỷ VNĐ đạt 72,29% so với chỉ tiêu kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế đạt: 36,75 tỷ VNĐ đạt 89,19% so với chỉ tiêu kế hoạch.

#### **1. Báo cáo tình hình tài chính năm:**

Năm 2010, với chính sách nhạy bén và linh hoạt trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn, đảm bảo khai thác nguồn lực công ty một cách hiệu quả nhất, duy trì năng lực tài chính mạnh thể hiện qua các chỉ tiêu tài chính, kết quả kinh doanh đến 31/12/2010 như sau:

##### ***Khả năng sinh lời***

- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng Tài sản: 6,7 %
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần: 8,8 %
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu: 10,06 %

##### ***Khả năng thanh toán***

- Khả năng thanh toán nhanh: 1,81 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành: 2,25 lần
- Giá trị sổ sách một cổ phiếu tính đến ngày 31/12/2010: 28.587 VNĐ/CP

Những thay đổi về vốn điều lệ: Trong năm 2010, Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 102.198.180.000 VNĐ lên 127.745.880.000 VNĐ.

##### **Cổ phiếu:**

Tổng số cổ phiếu theo vốn điều lệ : 12.774.588 CP

Trong đó :	- Cổ phiếu phổ thông	:	12.774.588 CP
	- Cổ phiếu loại khác	:	Không có
	- Mệnh giá 01 cổ phiếu	:	10.000 VNĐ
	- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	12.774.588 CP
	- Số lượng cổ phiếu quỹ	:	0 CP

### **Cổ tức:**

Năm 2010, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức như sau:

- Chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 01 : 15% trên mệnh giá (1.500 VNĐ/CP)
- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu : 25%

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010:**

### **a. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010			Tăng/giảm
			Kế hoạch	Thực hiện	% đạt KH	So với 2009
Doanh thu xuất khẩu trực tiếp	USD	26.517.873	26.000.000	17.790.856	68,42	67,09%
Tổng Doanh thu	VNĐ	562.616.139.148	575.500.000.000	416.011.752.891	72,29	73,94%
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	56.239.010.475	41.250.000.000	36.754.451.056	89,10	65,35%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	VNĐ/ CP	5.812		3.039		52,28%

### **b. Các hệ số tài chính cơ bản:**

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2009	NĂM 2010
1. Cơ cấu Tài Sản			
Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	%	30,61	25,51
Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản	%	69,39	74,49
2. Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	22,43	33,47
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	77,57	66,53

*Nguyên nhân Doanh thu xuất khẩu không đạt so với kế hoạch :*

Nhà máy Gilimex Thạnh Mỹ nằm ở địa bàn rất khó để tuyển công nhân, mặc dù đã tổ chức sắp xếp lại sản xuất để tăng năng suất, nhưng không tăng được công suất khai thác của nhà máy do thiếu công nhân.

Nhà máy Gilimex Bình Thạnh, do tình hình thị trường đầu năm 2010 giảm sút, phải làm hàng gia công hơn 3 tháng, từ tháng 5 đến tháng 8/2010 nên không đạt được kế hoạch doanh thu xuất khẩu.

## **3. Những mặt công tác nổi bật năm 2010:**

### **3.1. Sản xuất kinh doanh:**

- Đổi mới cơ chế quản lý, đào tạo quản trị sản xuất hiện đại cho đội ngũ quản lý, nâng cao trình độ nghiệp vụ tay nghề cho cán bộ nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực cho việc mở rộng và phát triển quy mô sản xuất.
- Phát triển các dòng sản phẩm mới được khách hàng chấp nhận mang lại đơn hàng lớn cho năm 2011 (riêng dòng sản phẩm BA Family, năm 2011 đã có đơn hàng giá trị 24,5 triệu USD) và các năm tiếp theo.
- Tìm được đối tác tốt để hợp tác phát triển sản xuất tại Miền Trung.
- Thực hiện tốt các yêu cầu của khách hàng, đảm bảo giao hàng đúng hạn, nhất là đạt được chất lượng sản phẩm theo yêu cầu khách hàng.
- Cải tiến lại quy trình sản xuất, thực hiện tiết kiệm trong sản xuất, tăng hiệu quả sử dụng thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất.
- Cải tiến quy trình mua hàng theo tiêu chí đảm bảo chất lượng, giao hàng đúng hạn, minh bạch và giá cả hợp lý.
- Quản lý tốt định mức nguyên vật liệu, tỷ lệ hao hụt thấp nhất.
- Tập trung hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, quản lý hệ thống.
- Thiết kế hệ thống theo dõi, cải tiến để nâng cao năng suất lao động.

### 3.2. **Tổ chức quản lý, cơ cấu nguồn nhân lực:**

- Hoàn thiện mô hình hệ thống quản trị Công ty.
- Sắp xếp, cơ cấu lại nguồn nhân lực theo hướng tinh giảm lao động gián tiếp, tăng lao động trực tiếp, hợp lý hóa các dây chuyền sản xuất cũng như các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao tính cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Đặc biệt quan tâm công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường.

### 3.3. **Công tác chăm lo đời sống cho người lao động:**

- Tập trung xây dựng chính sách, chế độ và chăm lo đời sống tinh thần, đảm bảo thu nhập và đời sống vật chất cũng như tinh thần cho cán bộ nhân viên và người lao động.
- Tập trung thực hiện việc nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV Công ty.
- Tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ, các hội thi nhằm nâng cao sức khỏe, đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân.
- Luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, bảo hiểm, phúc lợi đối với người lao động, nâng cao thu nhập cho người lao động từ 3,5 triệu đồng/người/tháng năm 2009 lên 4,2 triệu đồng trong năm 2010.

### 3.4. **Bất động sản:**

#### **Công trình Cao ốc văn phòng GILIMEX:**

Đã cơ bản hoàn thành công tác thanh quyết toán công trình, tập trung khai thác cho thuê văn phòng đạt 80% công suất.

#### **Dự án Nhà máy Gilimex Thanh Mỹ:**

Giai đoạn 1 đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2008 gồm 01 xưởng may quy mô 800 máy may, kho nguyên liệu, kho thành phẩm, nhà văn phòng, và các công trình phụ trợ như nhà để xe và nhà ăn, nhà vệ sinh cho công nhân. Do nhà máy nằm ở địa bàn rất khó khăn để thu hút lao động nên không phát triển được sản xuất, chỉ duy trì sản xuất với quy mô 5 chuyên 200 lao động. Năm 2010 không phát sinh đầu tư xây dựng, tập trung vào công tác thanh quyết toán khối lượng xây dựng đã hoàn thành.

### **Các dự án bất động sản khác:**

Tập trung xúc tiến các thủ tục pháp lý đối với các dự án bất động sản khác: 78B Bình Triệu, Dự án Bình Quới và một số bất động sản khác.

### **3.5. Việc quản lý tài chính:**

Thực hiện hệ thống quản lý tài chính kế toán chặt chẽ, minh bạch, tuân thủ đầy đủ quy định của nhà nước về công tác kế toán tài chính, thuế doanh nghiệp.

Quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, quản lý tốt việc tuân thủ định mức kỹ thuật, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Tập trung và nhạy bén trong việc sử dụng nguồn vốn của Công ty đúng mục đích, bảo toàn vốn và mang lại hiệu quả.

Khai thác một cách hiệu quả lợi thế tài chính từ nguồn ngoại tệ xuất khẩu góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2010.

Những nỗ lực trên, đã giúp Công ty vượt qua được những khó khăn của năm 2010 và đã mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh khả quan cho Công ty, nhất là đã tạo được niềm tin, ổn định được tinh thần làm việc, tạo sự gắn bó lâu dài của người lao động với Công ty GILIMEX.

## **II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2011**

Năm 2011, tình hình kinh tế vĩ mô vẫn chưa có dấu hiệu đi vào ổn định lâu dài, lạm phát vẫn đang cao, chi phí sử dụng vốn cao, nguồn nhân công vẫn là vấn đề khó khăn, tuy vậy bằng uy tín thương hiệu Gilimex đã được khẳng định trên thị trường, định hướng sản xuất kinh doanh đúng đắn, sự tin tưởng ủng hộ của quý cổ đông, cùng với quyết tâm, nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, năm 2011 tập trung phát triển sản xuất kinh doanh với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

### **1. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chủ yếu:**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>ĐVT</b>	<b>NĂM 2010</b>	<b>KẾ HOẠCH NĂM 2011</b>	<b>TĂNG/GIẢM SO VỚI 2010</b>
Doanh thu XK trực tiếp	USD	17.790.856	20.000.000	12,5%
Tổng doanh thu	VNĐ	416.011.752.891	456.000.000.000	9,6 %
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	50.261.517.206	56.000.000.000	11,4%
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	36.754.451.056	39.300.000.000	6,93%

### **2. Các biện pháp thực hiện:**

#### **2.1. Sản xuất kinh doanh:**

- Tập trung phát huy uy tín thế mạnh hiện có để tập trung đẩy mạnh ngành hàng chính của Công ty là may xuất khẩu hàng ba lô, túi xách....; tiếp tục duy trì quan hệ tốt với

- khách hàng truyền thống, đồng thời tích cực mở rộng các khách hàng mới nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Thường xuyên phát triển những mã hàng mới để phát triển và mở rộng sản xuất một cách bền vững, nâng cao hiệu quả kinh doanh và nâng cao uy tín của thương hiệu Gilimex.
  - Mở rộng quan hệ đối tác để tạo nền tảng phát triển vững chắc cho công ty.
  - Đầu tư phát triển sản xuất ra miền Trung nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và của thị trường ngày càng tăng.
  - Thu hẹp hoặc chấm dứt những hoạt động kinh doanh rủi ro và không có hiệu quả.
  - Đối phó kịp thời với tình hình giá cả biến động, chuẩn bị đủ nguồn cung ứng nguyên phụ liệu đảm bảo sản xuất ổn định.
  - Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và áp dụng những phương pháp quản trị sản xuất hiện đại để tăng năng suất lao động.
  - Tuyển dụng và đào tạo công nhân để khai thác tối đa công suất của nhà máy Gilimex Bình Thạnh 25 chuyên, phân đấu thu hút công nhân để tăng số chuyên sản xuất tại nhà máy Gilimex Thạnh Mỹ lên 6 – 7 chuyên.
  - Quản lý tốt nguồn cung ứng nguyên vật liệu và tồn kho nhằm đảm bảo sản xuất ổn định và tiết kiệm chi phí hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả hoạt động của sản xuất.
  - Hoàn thiện hệ thống chính sách, tiền lương, tiền thưởng và các chế độ phúc lợi nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, để người lao động gắn bó lâu dài với công ty.
  - Tập trung duy trì và cải tiến các quy trình quản lý chất lượng, quản lý hệ thống theo các tiêu chuẩn của khách hàng và ISO.
  - Ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm quản trị doanh nghiệp phục vụ cho công tác quản lý điều hành hiệu quả.
  - Hoàn thiện hệ thống quản lý để nâng cao hiệu quả điều hành công ty.

## **2.2. Bất động sản:**

Phân đấu cho thuê tòa nhà GILIMEX đạt công suất cho thuê 90 – 100% trong năm 2011.

Tiếp tục đẩy nhanh thủ tục pháp lý các dự án bất động sản, lập dự án đầu tư và tùy theo tình hình thị trường để có phương án đầu tư hợp lý, hiệu quả và đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty.

## **2.3. Công tác Tài chính kế toán:**

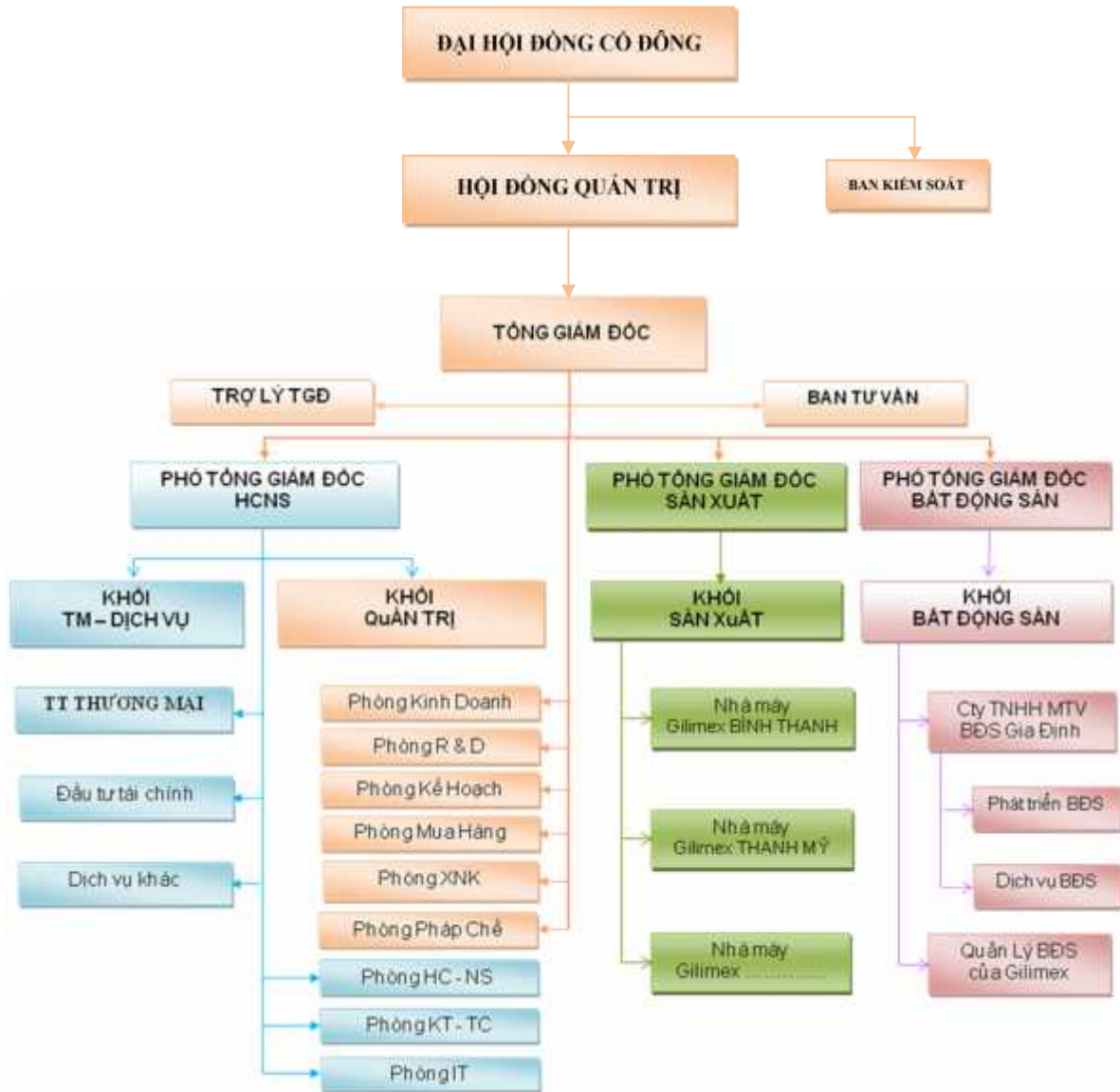
- Sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính.
- Tiếp tục khai thác ưu thế được vay ngoại tệ với lãi suất thấp của doanh nghiệp xuất khẩu có nguồn thu ngoại tệ, luân chuyển giữa tiền đồng và Đô La Mỹ để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Áp dụng các phần mềm quản trị doanh nghiệp để tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động.

## **2.4. Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự:**

Hoàn thiện hệ thống điều hành quản lý công ty theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Sắp xếp, lại nguồn nhân lực theo hướng tinh giảm lao động gián tiếp, tăng lao động trực tiếp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, hợp lý hóa các dây chuyền sản xuất cũng

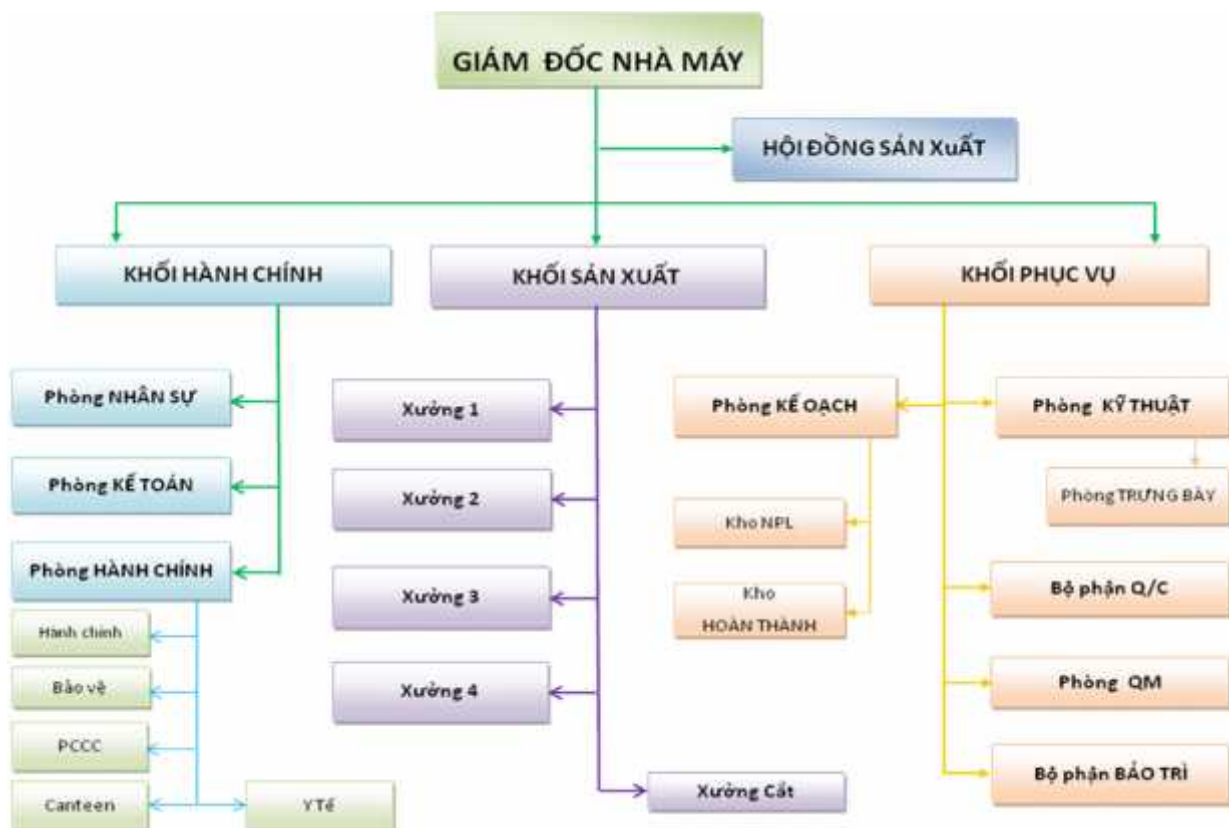
như các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động.

**a) HỆ THỐNG TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY GILIMEX**



**b) MÔ HÌNH QUẢN TRỊ NHÀ MÁY**





### c) TÓM TẮT LÝ LỊCH LÃNH ĐẠO

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

##### 1. CHỦ TỊCH HĐQT

Ngày tháng năm sinh:

Trình độ văn hóa :

Trình độ chuyên môn:

##### **Ông NGUYỄN BĂNG TÂM**

02/02/1952

12/12

Cử nhân chính trị

##### 2. PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Ngày tháng năm sinh:

Trình độ văn hóa :

Trình độ chuyên môn:

##### **Ông LÊ HÙNG**

24/08/1974

12/12

Cử nhân kinh tế

##### 3. THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày tháng năm sinh:

Trình độ văn hóa:

Trình độ chuyên môn:

##### **Ông PHẠM PHÚ HỮU**

04 / 12 / 1963

12/12

Cử nhân ngành QTKD

##### 4. THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày tháng năm sinh:

Trình độ văn hóa:

Trình độ chuyên môn:

##### **Ông NGUYỄN HOÀI NAM**

16/4/1978

12/12

Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

##### 5. THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày tháng năm sinh:

Trình độ văn hóa :

Trình độ chuyên môn:

##### **Ông ĐOÀN NGỌC QUANG**

22/04/1976

12/12

Cử nhân tài chính

## **BAN KIỂM SOÁT**

1. **TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**      **Ông VÕ VĂN HẢO**  
Ngày tháng năm sinh:                    27/03/1982  
Trình độ văn hóa:                         12/12  
Trình độ chuyên môn:                    Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng
2. **THÀNH VIÊN BKS**                    **Ông DƯƠNG MINH NHỰT**  
Ngày tháng năm sinh:                    05/9/1986  
Trình độ văn hóa:                         12/12  
Trình độ chuyên môn:                    Cử nhân kinh tế tài chính
3. **THÀNH VIÊN BKS**                    **Ông ĐÀO SỸ TRUNG**  
Ngày tháng năm sinh:                    20/12/1964  
Trình độ văn hóa:                         12/12  
Trình độ chuyên môn:                    Cử nhân ngành QTKD

## **BAN GIÁM ĐỐC**

1. **TỔNG GIÁM ĐỐC**                      **ÔNG LÊ HÙNG:**  
*Lý lịch trình bày tại mục Hội đồng quản trị.*
  2. **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**                **Ông NGUYỄN HỒ TRUNG**  
Ngày tháng năm sinh :                    16/09/1969  
Trình độ văn hóa:                         12/12  
Trình độ chuyên môn:                    Cử nhân
  3. **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**                **Ông PHẠM PHÚ HỮU**  
*Lý lịch trình bày tại mục Hội đồng quản trị.*
  4. **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**                **Ông ĐOÀN NGỌC QUANG**  
*Lý lịch trình bày tại mục Hội đồng quản trị.*
- KẾ TOÁN TRƯỞNG**                      **BÀ NGUYỄN THỊ THU VÂN**  
Ngày tháng năm sinh:                    12/09/1958  
Trình độ văn hóa:                         12/12  
Trình độ chuyên môn:                    Cử nhân ngành Tài chính kế toán

### **d) CƠ CẤU NHÂN SỰ**

Tổng số Cán bộ CNV toàn Công ty tính đến thời điểm 31/12/2010: **1.559** người

#### **PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ:**

Đại học, Cao đẳng trở lên	65 người	tỷ lệ 4,17%
Trung học chuyên nghiệp	35 người	tỷ lệ 2,24%
Công nhân Kỹ thuật và trình độ khác	1459 người	tỷ lệ 93,6%

#### **PHÂN THEO PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG:**

Cán bộ lãnh đạo quản lý	105 người	tỷ lệ 6,73%
Cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ	137 người	tỷ lệ 8,79%
Nhân viên phục vụ	47 người	tỷ lệ 3,01 %
Công nhân ngành nghề	1270 người	tỷ lệ 81,4%

### **e) Chế độ làm việc:**

#### **Thời gian làm việc:**

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, hiện nay Công ty đang sản xuất 1 ca/ ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

#### **Điều kiện làm việc:**

Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

#### **f) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi :**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong việc nâng cao hiệu suất lao động, khích lệ tinh thần làm việc của nhân viên, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu trong sản xuất, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật và hiệu quả công việc.

Công ty thực hiện các chính sách xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thoả ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ 2 lần cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì phong trào Văn- Thể - Mỹ. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cho cán bộ công nhân viên làm việc, năm 2011 Công ty sẽ xem xét thực hiện chính sách thưởng cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên.

#### **g) Chính sách đào tạo:**

Chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là cải tiến hệ thống ISO 9001:2000, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên tại xí nghiệp sản xuất. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

*Đào tạo nhân viên mới:* sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về chuyên môn, nghiệp vụ, nội quy lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, trách nhiệm quyền hạn được giao.

*Đào tạo hàng năm:* Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo. Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty hỗ trợ chi phí học tập và tạo điều kiện về thời gian.

#### **h) Công tác đoàn thể:**

Phát động phong trào thi đua sáng tạo cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động, quản lý chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm hao hụt nguyên phụ liệu, giá thành hợp lý, góp phần nâng cao thu nhập của người lao động.

Đẩy mạnh các phong trào thể dục thể thao, PCCC, các hội thi cho CB-CNV để khuyến khích tinh thần làm việc của người lao động.

Xây dựng công đoàn cơ sở Công ty và Đảng Bộ công ty mạnh cả về chất và lượng, thực sự là trung tâm sinh hoạt chính trị của người lao động.

### **3. Thông tin cổ đông và quản trị công ty**

#### **3.1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

##### **a) Hội đồng quản trị:**

Hội Đồng Quản Trị của Công Ty GILIMEX có 5 thành viên, gồm một chủ tịch, một phó chủ tịch và ba thành viên

Nhiệm kỳ: 5 năm.

Họ tên	Chức danh	Số CP 25/02/2010	Số CP 11/3/2011	Tỷ lệ sở hữu
NGUYỄN BĂNG TÂM	Chủ tịch HĐQT	265.183	206.808	1,62 %
LÊ HÙNG	Phó chủ tịch HĐQT	253.125	698.865	5,47%
PHẠM PHÚ HỮU	Thành viên HĐQT	13.300	16.625	0,13 %
NGUYỄN HOÀI NAM	Thành viên HĐQT		0	0%
ĐOÀN NGỌC QUANG	Thành viên HĐQT		6.250	0,05%

##### **b) Ban Kiểm soát:**

- Ban Kiểm Soát của Công Ty GILIMEX có 3 thành viên, gồm một trưởng ban và hai thành viên.
- Nhiệm kỳ: 5 năm.

Họ tên	Chức vụ	Số CP 25/02/2010	Số CP 11/03/2011	Tỷ lệ sở hữu
VÕ VĂN HẢO	Trưởng BKS	1.500	1.875	0,02 %
DƯƠNG MINH NHẬT	Thành viên BKS	1.000	0	0 %
ĐÀO SỸ TRUNG	Thành viên BKS	8.229	10.286	0,08 %

#### **4.2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (tại thời điểm 11/03/2011):**

##### **a) Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) tại thời điểm 11/03/2011:**

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	Số cổ phiếu	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	Tỷ lệ sở hữu
1	QUỸ TÂM NHÌN SSI	TANG 5, TOA NHA 1C NGO QUYEN, P LY THAI TO, Q HOAN KIEM, HA NOI	1.598.660	15.986.600.000	12,51%
2	PXP VIETNAM FUND LTD	6TH FLOOR, OPERA VIEW BUILDING, 161 ĐỒNG KHỔ, Q1, TPHCM	687.500	6.875.000.000	5,38%
3	LÊ HÙNG	25/29A Cửu Long, P.2, Q.Tân Bình, Tp HCM	698.865	6.988.650.000	5,47%
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.985.025</b>	<b>29.850.250.000</b>	<b>23.36%</b>

**b) Cơ cấu cổ đông của Gilimex tại thời điểm 11/3/2011 :**

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	SỐ CỔ PHIẾU	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	TỔ CHỨC TRONG NƯỚC	54	3,670,386	36,703,860,000	28.73%
2	CÁ NHÂN TRONG NƯỚC ĐÃ LƯU KÝ	1500	7,031,630	70,316,300,000	55.04%
3	CÁ NHÂN TRONG NƯỚC CHƯA LƯU KÝ	253	41,102	411,020,000	0.32%
3	TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI	14	1,608,928	16,089,280,000	12.59%
4	CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI	153	422,542	4,225,420,000	3.31%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.974</b>	<b>12,774,588</b>	<b>127,745,880,000</b>	<b>100.00%</b>

**c) Báo cáo phụ cấp của HĐQT và ban kiểm soát năm 2010:****1. Thù lao của HĐQT:**

Thực hiện năm 2010 là : 312.000.000 đồng, trong đó:

Chủ tịch HĐQT	: Ông Nguyễn Băng Tâm	96.000.000 đồng
Phó chủ tịch HĐQT	: Ông Lê Hùng	72.000.000 đồng
Thành viên HĐQT	: Ông Phạm Phú Hữu	48.000.000 đồng
Thành viên HĐQT	: Ông Nguyễn Hoài Nam	48.000.000 đồng
Thành viên HĐQT	: Ông Đoàn Ngọc Quang	48.000.000 đồng

**2. Phụ cấp của Ban Kiểm Soát:**

Thực hiện năm 2010 là : 96.000.000 đồng, trong đó :

Trưởng Ban kiểm soát	: Ông Võ Văn Hảo	48.000.000 đồng
Thành viên Ban kiểm soát	: Ông Đào Sỹ Trung	24.000.000 đồng
Thành viên Ban kiểm soát	: Ông Dương Minh Nhật	24.000.000 đồng

**3. Lương Tổng giám đốc: 540.000.000 đồng**

# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

## I. Đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010:

Trong năm 2010, công tác điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Điều hành đã thực hiện theo đúng quy định tại điều lệ Công ty. Không có trường hợp vi phạm điều lệ và nghị quyết đại hội đồng cổ đông đưa ra.

### Những thuận lợi:

- Tài chính công ty vững mạnh đảm bảo dự trữ nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ổn định được nguồn lao động không xảy ra gián đoạn sản xuất mặc dù kinh tế thế giới còn gặp nhiều khó khăn
- Thương hiệu của công ty trên thị trường quốc tế lớn mạnh nên khách hàng của công ty ổn định.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành mới, đặc biệt là ban điều hành đã hoạt động hết sức nỗ lực để cơ cấu hoạt động của công ty ngày càng hiệu quả hơn.

### Những khó khăn:

- Năm 2010 do có sự biến động về nhân sự ở Hội đồng quản trị và Ban điều hành nên Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động. Ban điều hành mới cần có thời gian để củng cố và cấu trúc lại hoạt động của công ty
- Dự án Thanh Mỹ gặp khó khăn trong công tác tuyển dụng khi từ tháng 8.2008 đến nay chỉ tuyển gần 200 công nhân, trong khi kế hoạch là 1000 công nhân nên ảnh hưởng đến doanh thu dự kiến 600 tỷ đồng/năm
- Dự án 24 C Phan Đăng Lưu hoàn thành chậm tiến độ đồng thời đến khi hoàn thành thì tình hình văn phòng cho thuê gặp nhiều khó khăn: diện tích văn phòng cho thuê tăng lên, khách hàng thuê ít do khủng hoảng kinh tế và giá cho thuê giảm dẫn đến tình trạng cạnh tranh rất lớn trong lĩnh vực này.
- Nhân sự công ty còn thiếu đặc biệt là cấp quản lý trung gian nên dẫn tới chưa khai thác được hết hiệu quả các dự án mà công ty đã đầu tư.

## II. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010

### 1. Kết quả kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2009		KH 2010	Thực hiện 2010		So sánh	
		Giá trị	Tỷ trọng/DT		Giá trị	Tỷ trọng/DT	% KH	% cùng kỳ
1	Doanh thu	562,629,064,603	100%	575,500,000,000	416,011,752,891	100.00%	72.29%	-26.06%
2	Các khoản giảm trừ	12,925,455	0.0%					-100.00%
3	Doanh thu thuần	562,616,139,148	100.0%		416,011,752,891	100.00%		-26.06%
4	Giá vốn hàng bán	468,198,923,369	83.22%		342,657,733,670	82.37%		-26.81%
5	Lợi nhuận gộp	94,417,215,779	16.78%		73,354,019,221	17.63%		-22.31%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	13,021,849,597	2.31%		24,449,411,452	5.88%		87.76%
7	Chi phí tài chính	4,359,153,483	0.77%		5,319,949,022	1.28%		22.04%
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>1,992,278,010</i>	<i>0.35%</i>		<i>2,764,075,503</i>	<i>0.66%</i>		<i>38.74%</i>
8	Chi phí bán hàng	15,142,308,654	2.69%		10,706,238,638	2.57%		-29.30%

9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18,974,320,805	3.37%		32,481,065,697	7.81%		71.18%
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	68,963,282,434	12.26%		49,296,177,316	11.85%		-28.52%
11	Thu nhập khác	2,677,087,539	0.48%		3,820,135,974	0.92%		42.70%
12	Chi phí khác	1,532,387,676	0.27%		2,854,796,084	0.69%		86.30%
13	Lợi nhuận khác	1,144,699,863	0.20%		965,339,890	0.23%		-15.67%
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	70,107,982,297	12.46%		50,261,517,206	12.08%		-28.31%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	13,868,971,822	2.47%		13,507,066,150	3.25%		-2.61%
16	Lợi nhuận sau thuế	56,239,010,475	10.00%	41,250,000,000	36,754,451,056	8.83%	89.10%	-34.65%

Doanh thu đạt 72,29% so với kế hoạch và giảm 26,06% so với năm 2009

Lợi nhuận sau thuế đạt 89,1% so với kế hoạch và giảm 34,65% so với năm 2009.

## 2. Báo cáo tài chính năm 2010 và giải trình 1 số chỉ tiêu chủ yếu trong báo cáo tài chính

### 2.1. Báo cáo tài chính

STT	Chỉ tiêu	31.12.2009		31.12.2010	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A</b>	<b>TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>305,211,298,672</b>	<b>69.39%</b>	<b>411,133,683,775</b>	<b>74.90%</b>
1	Tiền	33,701,291,267	7.66%	32,883,826,582	5.99%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	130,781,049,683	29.73%	221,038,880,000	40.27%
3	Các khoản phải thu	68,114,679,325	15.49%	76,586,599,971	13.95%
4	Hàng tồn kho	52,332,532,935	11.90%	63,686,340,770	11.60%
5	Đầu tư ngắn hạn khác	20,281,745,462	4.61%	16,938,036,452	3.09%
<b>B</b>	<b>TS cố định và đầu tư dài hạn khác</b>	<b>134,633,455,938</b>	<b>30.61%</b>	<b>137,794,161,426</b>	<b>25.10%</b>
1	TS cố định	47,243,535,571	10.74%	97,521,945,548	17.77%
2	Đầu tư TC dài hạn	5,741,578,152	1.31%	4,741,578,152	0.86%
3	Chi phí XDCBDD	77,708,586,292	17.67%	29,467,175,430	5.37%
4	Đầu tư dài hạn khác	3,939,755,923	0.90%	6,063,462,296	1.10%
	<b>TC Tài sản</b>	<b>439,844,754,610</b>	<b>100.00%</b>	<b>548,927,845,201</b>	<b>100.00%</b>
<b>II</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>101,888,343,907</b>	<b>23.16%</b>	<b>183,725,892,516</b>	<b>33.47%</b>
1	Nợ ngắn hạn	100,578,962,493	22.87%	182,416,511,102	33.23%
2	Nợ dài hạn	1,309,381,414	0.30%	1,309,381,414	0.24%
<b>B</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>337,956,410,703</b>	<b>76.84%</b>	<b>365,201,952,685</b>	<b>66.53%</b>
	Vốn điều lệ	102,198,180,000	23.24%	127,745,880,000	23.27%
	Thặng dư vốn cổ phần	153,910,785,047	34.99%	158,751,430,047	28.92%
	Các quỹ	18,407,470,408	4.18%	29,761,996,786	5.42%
	Lợi nhuận chưa phân phối	63,439,975,248	14.42%	48,942,645,852	8.92%
	<b>Tổng cộng Nguồn vốn</b>	<b>439,844,754,610</b>	<b>100.00%</b>	<b>548,927,845,201</b>	<b>100.00%</b>

### 2.2. Đánh giá báo cáo Tài chính:

#### a) Về thực hiện chế độ kế toán quy định:

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến 31/12.

- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp đường thẳng.

**b) Đánh giá báo cáo tài chính qua các hệ số:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
<b>I</b>	<b>Khả năng sinh lợi</b>			
1	Hệ số lợi nhuận trên doanh thu thuần	%	10.00%	8.83%
2	Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	%	17.15%	10.45%
3	Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản	%	13.81%	7.43%
<b>II</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
1	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3.13	2.25
2	Khả năng thanh toán nhanh	lần	2.39	1.81
<b>III</b>	<b>Hiệu quả hoạt động</b>			
1	Vòng quay khoản phải thu	lần	6.81	5.75
2	Vòng quay hàng tồn kho	lần	7.76	5.91
3	Vòng quay tài sản cố định	lần	14	5.75
4	Vòng quay tổng tài sản	lần	1.38	0.84
<b>IV</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>			
1	Hệ số nợ trên tổng tài sản	%	23.16%	33.47%
2	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	%	30.14%	50.30%
3	Khả năng thanh toán lãi vay	lần	36.2	19.2

**c) Giải trình một số chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán**

STT	Chỉ tiêu	Giá trị VND	Ghi chú
1	Đầu tư ngắn hạn	221,038,880,000	Gửi ngân hàng
2	XDCB dở dang	29,467,175,430	Công trình Phú Mỹ
3	Đầu tư dài hạn khác	4,721,578,152	Dự án phường 28 Bình

**III. Đánh giá và kiến nghị của Ban kiểm soát:**

**1. Đánh giá:**

- Doanh thu chỉ đạt 72.29% so với kế hoạch (giảm 26.06% so với 2009) và lợi nhuận chỉ đạt 89.1% kế hoạch (giảm 34.65% so với năm 2009) nguyên nhân là:
  - o Sự biến động của cơ cấu sản phẩm sản xuất năm 2010 khác với năm 2009
  - o Công ty không tiến hành một số hoạt động không hiệu quả như ủy thác xuất nhập khẩu và hoạt động của siêu thị điện máy.
  - o Do thị trường biến động, công ty mất gần 3 tháng phải làm hàng gia công.
  - o Trong năm 2009 công ty cũng như nền kinh tế được gói kích cầu của chính phủ hỗ trợ lãi suất 4%. Gói kích cầu của chính phủ đã kết thúc cuối năm 2009.



- Các dự án đầu tư chậm tiến độ - dự án 24 C Phan Đăng Lưu đưa vào hoạt động nhưng phải đến đầu quý 2 công ty mới bắt đầu cho thuê và đến cuối quý 3 công ty mới cho thuê được 80% .
- Dự án Thạnh Mỹ đã đưa vào khai thác vào tháng 8/2008 nhưng vừa thiếu lao động, lao động chưa lành nghề và chủ yếu là công nhân địa phương nên năng suất và hiệu quả thấp chưa đạt kế hoạch đề ra. Trong năm 2010 Ban Kiểm Soát nhận thấy một số điểm chưa phù hợp (có tham khảo báo cáo luật và báo cáo kiểm toán về dự án Thạnh Mỹ), cụ thể:
  - o Quy trình và thủ tục đầu tư cho dự án này khi triển khai năm 2007: Công ty đã không tuân thủ đầy đủ theo quy định đã có thể ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông.
  - o Thời gian đầu tư dự án này kéo dài: từ năm 2007 đến nay vẫn chưa hoàn tất, mặc dù công trình đã đưa vào khai thác cuối năm 2008.
  - o Giá trị đầu tư dự tính vượt hơn 40% giá trị hợp đồng ký kết với đơn vị thi công nhưng các thủ tục và giấy tờ lại thiếu.
  - o Hồ sơ pháp lý cho dự án này đến nay vẫn chưa hoàn tất.

## 2. **Kiến nghị của Ban Kiểm Soát:**

- Tăng cường quản lý rủi ro trong công ty cụ thể như sau:
  - o Xây dựng mới và hoàn thiện các quy chế, các quy trình, thủ tục hoạt động của Công ty cho phù hợp với quy mô và môi trường kinh doanh hiện nay đơn cử như quy chế đấu thầu, chào giá cạnh tranh trong việc cung ứng vật tư nguyên phụ liệu.
  - o Nâng cao công tác tài chính, phân tích báo cáo tài chính hàng quý và xem xét việc lập báo cáo tài chính hàng tháng để công bố thông tin kịp thời và đưa ra giải pháp phù hợp trong môi trường tài chính có quá nhiều tin đồn.
  - o Khai thác có hiệu quả các dự án đã đầu tư bởi vì năm 2010 các công trình đầu tư đã hoàn thành nên chi phí khấu hao sẽ tăng lên trong năm 2011.
  - o Nâng cao hơn nữa việc sử dụng nguồn vốn của công ty đặc biệt là sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi.
- Đối với dự án Thạnh Mỹ:
  - o Nghiên cứu giải pháp gia tăng hiệu quả sử dụng nhà máy hoặc tìm cách hạn chế thua lỗ ở dự án này thậm chí phải tìm giải pháp thu hẹp dự án, tắt toán dự án để đảm bảo hiệu quả hoạt động của công ty.
  - o Xác định đơn vị hay cá nhân chịu trách nhiệm về những vấn đề dẫn đến dự án không rõ ràng và hoạt động kém hiệu quả để có giải pháp xử lý cho phù hợp, đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
  - o Nhanh chóng giải quyết những vấn đề còn tồn đọng và hoàn thiện các thủ tục, giấy tờ pháp lý cho dự án này.
- Xây dựng phương án và giải pháp phát triển thị trường nội địa mặt hàng balô và túi sách.
- Tăng cường công tác đào tạo và tuyển dụng nhân sự chất lượng cao để phục vụ cho việc điều hành sản xuất và các dự án đầu tư mới.

# **BÁO CÁO**

# **TÀI CHÍNH**

**NĂM 2010**

- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc **Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh** (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **Công ty**

**Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)** tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000253 ngày 29/12/2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302181666 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 11 ngày 18/06/2010, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác. Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ. Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2010 là: **127.745.880.000 VND**.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: tầng 4 tòa nhà Gilimex, số 24C Phan Đăng Lưu, P.6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 2 công ty con.

Tổng số các công ty con được hợp nhất: 2 công ty.

### **Công ty con được hợp nhất:**

Công Ty TNHH MTV May Thạnh Mỹ

- Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Công ty TNHH MTV Bất động sản Gia đình

- Địa chỉ: tầng 4 tòa nhà Gilimex, số 24C Phan Đăng Lưu, P.6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

### **Kết quả hoạt động**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 36.754.451.056 VNĐ (Năm 2009 lợi nhuận sau thuế là 56.239.010.475 VNĐ).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 48.942.645.852 VND (Năm 2009 lợi nhuận chưa phân phối là 63.439.975.248 VND).

### **Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông : Nguyễn Băng Tâm	Chủ tịch
Ông : Lê Hùng	Phó Chủ tịch
Ông : Phạm Phú Hữu	Thành viên
Ông : Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
Ông : Đoàn Ngọc Quang	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông : Lê Hùng	Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Hồ Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Phạm Phú Hữu	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đoàn Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông : Võ Văn Hào	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông : Dương Minh Nhật	Thành viên BKS
Ông : Đào Sỹ Trung	Thành viên BKS

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số Số: 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### ***Phê duyệt các báo cáo tài chính***

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị **Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh** phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

*Tp.HCM, ngày 15 tháng 2 năm 2011*

**Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

*Tp.HCM, ngày 15 tháng 2 năm 2011*

**Tổng giám đốc**

**Nguyễn Băng Tâm**

**Lê Hùng**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
*Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2010*  
*của Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh – GILIMEX*

**Kính gửi:**

- Các cổ đông Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh – GILIMEX
- Hội đồng Quản trị Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh – GILIMEX
- Ban Giám đốc Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh – GILIMEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của **Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh** được lập ngày 20/01/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 6 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

***Cơ sở ý kiến:***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

***Ý kiến của kiểm toán viên:***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh** tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Tp Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2011*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**

**Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Lê Văn Tuấn**  
Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

**Dương Thị Quỳnh Hoa**  
Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>411,133,683,775</b>	<b>305,211,298,672</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>32,883,826,582</b>	<b>33,701,291,267</b>
1. Tiền	111		32,883,826,582	33,701,291,267
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>221,038,880,000</b>	<b>130,781,049,683</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		221,038,880,000	131,322,101,983
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	(541,052,300)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>76,586,599,971</b>	<b>68,114,679,325</b>
1. Phải thu khách hàng	131		44,656,618,292	42,581,163,542
2. Trả trước cho người bán	132		30,524,331,579	27,273,828,841
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	3	3,780,751,600	634,788,442
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2,375,101,500)	(2,375,101,500)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>63,686,340,770</b>	<b>52,332,532,935</b>
1. Hàng tồn kho	141		63,686,340,770	52,332,532,935
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16,938,036,452</b>	<b>20,281,745,462</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26,245,455	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13,101,998,706	16,691,141,749
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3,809,792,291	3,590,603,713

<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260)</b>	<b>200</b>		<b>137,794,161,426</b>	<b>134,633,455,938</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>126,989,120,978</b>	<b>124,952,121,863</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	83,351,742,020	32,774,748,991
- Nguyên giá	222		106,960,077,593	52,675,054,542
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23,608,335,573)	(19,900,305,551)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	6	14,170,203,528	14,468,786,580
- Nguyên giá	228		14,767,369,632	14,767,369,632
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(597,166,104)	(298,583,052)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	29,467,175,430	77,708,586,292
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4,741,578,152</b>	<b>5,741,578,152</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20,000,000	20,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	8	4,721,578,152	5,721,578,152
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6,063,462,296</b>	<b>3,939,755,923</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	6,063,462,296	3,939,755,923
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-



<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>548,927,845,201</b>	<b>439,844,754,610</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>183,725,892,516</b>	<b>101,888,343,907</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>182,416,511,102</b>	<b>100,578,962,493</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	121,581,614,674	49,329,779,906
2. Phải trả người bán	312		25,022,470,022	22,493,172,153
3. Người mua trả tiền trước	313		7,145,212,787	4,433,514,974
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	7,497,738,223	11,275,888,931
5. Phải trả công nhân viên	315		13,031,243,276	3,752,288,994
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	2,384,682,607	6,065,441,644
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	323	13.6	5,753,549,513	3,228,875,891
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,309,381,414</b>	<b>1,309,381,414</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,309,381,414	1,309,381,414
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)</b>	<b>400</b>	<b>13</b>	<b>365,201,952,685</b>	<b>337,956,410,703</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>365,201,952,685</b>	<b>337,956,410,703</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		127,745,880,000	102,198,180,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		158,751,430,047	153,910,785,047
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-

4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	-	(7,871,875,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	2,168,488,186	(1,041,961,467)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	22,483,599,600	22,254,746,850
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5,109,909,000	5,066,560,025
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	48,942,645,852	63,439,975,248
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>548,927,845,201</b>	<b>439,844,754,610</b>

#### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		280,606.56	1,608,801.49
- EUR		2.58	2.58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Đức

Nguyễn Thị Thu Vân

Lê Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT***Năm 2010*

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>14.1</b>	<b>416,011,752,891</b>	<b>562,629,064,603</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	12,925,455
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>416,011,752,891</b>	<b>562,616,139,148</b>
4. Giá vốn hàng bán	<b>15</b>	342,657,733,670	468,198,923,369
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>73,354,019,221</b>	<b>94,417,215,779</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	<b>14.2</b>	24,449,411,452	13,021,849,597
7. Chi phí tài chính	<b>16</b>	5,319,949,022	4,359,153,483
+ Trong đó: chi phí lãi vay		2,764,075,503	1,992,278,010
8. Chi phí bán hàng		10,706,238,638	15,142,308,654
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		32,481,065,697	18,974,320,805
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>49,296,177,316</b>	<b>68,963,282,434</b>
11. Thu nhập khác		3,820,135,974	2,677,087,539
12. Chi phí khác		2,854,796,084	1,532,387,676
<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>965,339,890</b>	<b>1,144,699,863</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>50,261,517,206</b>	<b>70,107,982,297</b>
<b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>17</b>	<b>13,507,066,150</b>	<b>13,868,971,822</b>
<b>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>36,754,451,056</b>	<b>56,239,010,475</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>		<b>3,039</b>	<b>5,812</b>

*Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Đức

Nguyễn T. Thu Vân

Lê Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2010**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>50,261,517,206</b>	<b>70,107,982,297</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>(12,939,633,464)</b>	<b>(3,061,534,964)</b>
- Khấu hao tài sản cố định		6,558,572,062	4,017,482,102
- Các khoản dự phòng		(541,052,300)	(3,100,592,652)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(6,089,707,309)	(1,234,304,569)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(15,631,521,420)	(4,736,397,855)
- Chi phí lãi vay		2,764,075,503	1,992,278,010
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>37,321,883,742</b>	<b>67,046,447,333</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(5,452,046,206)	18,845,301,577
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(11,353,807,835)	16,006,845,523
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		15,250,461,698	(8,537,420,190)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2,102,339,900)	(873,684,882)
- Tiền lãi vay đã trả		(2,764,075,503)	(1,992,278,010)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17,983,495,730)	(5,511,358,066)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15,560,091,504	8,897,603,657
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(12,585,038,465)	(3,378,239,883)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>15,891,633,305</b>	<b>90,503,217,059</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(14,268,058,875)	(34,866,222,270)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		4,413,521,389	143,488,002
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-

5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(507,525,280,000)	(270,848,152,683)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	418,808,501,983	193,610,280,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	15,725,962,624	7,977,277,855
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(82,845,352,879)</b>	<b>(103,983,329,096)</b>

### **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	12,712,520,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	(4,583,074,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	186,522,728,090	157,741,716,172
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(114,270,893,322)	(124,535,300,897)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(19,161,616,500)	(19,762,696,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>65,802,738,268</b>	<b>8,860,645,275</b>

**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ** (1,150,981,306) (4,619,466,762)

**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ** 33,701,291,267 38,805,053,642  
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ 333,516,621 (484,295,613)

**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ** 32,883,826,582 33,701,291,267

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Đức

Nguyễn Thị Thu Vân

Lê Hùng

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

## I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1. Hình thức sở hữu vốn

**Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)** tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 ngày 29/12/2000 và thay đổi lần thứ mười một theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302181666 ngày 18/6/2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 127.745.880.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 127.745.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tầng 4, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 2 công ty con.

Tổng số các công ty con được hợp nhất: 2 công ty.

### Công ty con được hợp nhất:

- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ

+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

+ Địa chỉ: tầng 4, tòa nhà GILIMEX BUILDING, số 24C Phan Đăng Lưu, P.6, Bình Thạnh, TPHCM

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thương mại; dịch vụ; sản xuất công nghiệp.

### 3. Ngành nghề kinh doanh:

**Hoạt động chính của Công ty là:** Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không chế biến thực phẩm tươi sống, gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất gốm sứ thủy tinh, thuốc da, chế biến cao su tại trụ sở). Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ. Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

## II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### 2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

## **2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **2.3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

## **3. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

#### ***Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền***

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### ***Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác***

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ ngắn hạn (dưới 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

### **3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị 07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 04 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng 03 - 06 năm

### **3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và chuẩn mực số 08 "Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh").

#### ***Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:***

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

### **3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### **3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### **3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục có gốc ngoại tệ sau: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

## III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: VND

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
1.	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>3,153,605,230</b>	<b>1,684,232,446</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>29,730,221,352</b>	<b>32,017,058,821</b>
<b>Tiền gửi VND</b>	<b>24,414,840,778</b>	<b>3,150,757,748</b>
Ngân hàng Công Thương Chi nhánh 7	357,705,747	2,369,396,179
Vietcom Bank - CN TP. HCM	30,979,635	56,390,220
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT	1,991,836	41,290,336
TT giao dịch chứng khoán - Ngân hàng NNo&PTNT	4,123,814	4,031,533
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Gia Định	542,259,504	460,220,854
Ngân hàng HSBC	46,653,281	69,907,108
Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Tân Bình	11,137,625	10,859,157
Ngân hàng Phương Đông - CN Gia Định	4,037,386	500,000
Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam	3,051,470	138,162,361
Ngân hàng TM CP Techcombank	53,482,755	-
Ngân hàng TM CP VP Bank	1,702,566	-
Ngân hàng Công thương Chi nhánh	3,362,278,198	-

<i>I</i>		
Ngân hàng Sacombank PGD Võ Thị Sáu	5,681,765,887	-
Ngân hàng Công thương CN Thủ Thiêm	3,501,009,718	-
Ngân hàng TM CP HabuBank - CN TPHCM	5,873,095,439	-
Ngân hàng Công thương Chi nhánh Chương Dương	533,562,631	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Sài Gòn	369,818,300	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - CN HCM	547,537,892	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn	3,488,647,094	-
<b>Tiền gửi ngoại tệ</b>	<b>5,315,380,574</b>	<b>28,866,301,073</b>
Ngân hàng Công thương Chi nhánh 7 ( USD)	3,316,846,264	27,366,894,250
Ngân hàng Công thương Chi nhánh 7 ( EURO)	65,955	72,610
Vietcom Bank - CN TP. HCM (USD)	128,209,965	105,676,616
Ngân hàng Công thương VN (USD)	2,871,227	2,720,932
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT (USD)	24,833,483	309,709,921
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN-CN Gia Định(USD)	379,748,279	118,513,043
Ngân hàng HSBC (USD)	183,076,605	930,743,377
Ngân hàng Công thương Chi nhánh Tân Bình ( USD)	33,772,605	31,970,324
Ngân hàng Công thương CN Chương Dương ( USD)	10,033,960	-
Ngân hàng TM CP HabuBank - CN TPHCM	476,287,848	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - CN HCM	2,304,024	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn	757,330,359	-

**Ghi chú:**

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010 khớp với biên bản kiểm kê thực tế  
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2010 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

<b>Tổng cộng</b>	<b>32,883,826,582</b>	<b>33,701,291,267</b>
------------------	-----------------------	-----------------------

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2010</b>		<b>01/01/2010</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
<b>2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>		<b>2,250,000,000</b>		<b>3,131,949,300</b>
+ CK đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu)		-		-
+ CK đầu tư ngắn hạn (Cổ phiếu)		2,250,000,000		3,131,949,300
Trong đó:				
CTy CP Bệnh viện đa khoa tư nhân Triều An	50,000	2,250,000,000	50,000	2,250,000,000
Công ty CP Phân Đạm và Hóa Chất Dầu Khí	-	-	1,000	54,944,000
Công ty CP Kỹ Nghệ Đô Thành	-	-	23,000	730,000,000
Vietcom Bank	-	-	951	97,005,300

<b>2.2 Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)</b>	<b>218,788,880,000</b>	<b>105,190,152,683</b>
<i>Trong đó:</i>		
+ Ngân hàng Công Thương Việt Nam	50,000,000,000	56,190,152,683
+ Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Định	34,000,000,000	9,000,000,000
+ Ngân hàng Hàng Hải	-	10,000,000,000
+ Cty CP CK Phương Đông	-	10,000,000,000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định	-	20,000,000,000
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế CN Phú Nhuận	21,000,000,000	-
+ Ngân hàng Habubank	55,300,000,000	-
+ Ngân hàng Ocean bank	12,000,000,000	-
+ Ngân hàng TM CP Techcombank	11,488,880,000	-
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	35,000,000,000	-
<b>2.3 Đầu tư ngắn hạn khác (Cho vay)</b>	<b>-</b>	<b>23,000,000,000</b>
<i>Trong đó:</i>		
+ Tổng công ty Bến Thành	-	23,000,000,000
<b>2.4 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)</b>	<b>-</b>	<b>-(541,052,300)</b>
<i>Trong đó:</i>		
+ Cổ phiếu Cty CP Phân Đạm và Hóa Chất Dầu Khí Thành	-	(20,944,000)
+ Cổ phiếu Công ty CP Kỹ Nghệ Đô Thành	-	(467,800,000)
+ Vietcom Bank	-	(52,308,300)
<b>Tổng cộng</b>	<b>221,038,880,000</b>	<b>130,781,049,683</b>

### 3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>31/12/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
	<b>3,780,751,600</b>	<b>634,788,442</b>
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	3,780,751,600	634,788,442

*Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2010 là:*  
*Chi Cục Hải Quan Quản lý Hàng gia* *1,395,508,182*

<i>công</i>	
<i>Thuế GTGT chờ kê khai</i>	<i>1,486,258,407</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>898,985,011</i>
<b><i>Tổng cộng</i></b>	<b><i>3,780,751,600</i></b>

#### **4. HÀNG TỒN KHO**

	<i>31/12/2010</i> <i>VND</i>	<i>01/01/2010</i> <i>VND</i>
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	40,171,114,940	36,699,420,018
- Công cụ, dụng cụ	823,738,598	1,150,378,514
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8,351,725,216	1,632,542,252
- Thành phẩm	14,280,722,653	12,665,336,256
- Hàng hoá	-	87,292,867
- Hàng gửi đi bán	59,039,363	97,563,028
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>63,686,340,770</b>	<b>52,332,532,935</b>

**5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>31,258,111,399</b>	<b>15,020,531,899</b>	<b>4,940,975,435</b>	<b>1,455,435,809</b>	<b>52,675,054,542</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	<b>51,608,489,528</b>	<b>8,750,140,474</b>	<b>333,086,133</b>	<b>891,223,026</b>	<b>61,582,939,161</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	-	8,750,140,474	333,086,133	891,223,026	9,974,449,633
- Đầu tư XDCN hoàn thành	51,608,489,528	-	-	-	51,608,489,528
- Tăng khác	-	-	-	-	-
<b>3. Số giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>6,333,860,152</b>	<b>964,055,958</b>	<b>-</b>	<b>7,297,916,110</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	6,333,860,152	964,055,958	-	7,297,916,110
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>82,866,600,927</b>	<b>17,436,812,221</b>	<b>4,310,005,610</b>	<b>2,346,658,835</b>	<b>106,960,077,593</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>9,594,453,631</b>	<b>6,853,917,357</b>	<b>2,395,375,151</b>	<b>1,056,559,412</b>	<b>19,900,305,551</b>
<b>2. Khấu hao trong năm</b>	<b>3,497,484,653</b>	<b>1,846,021,456</b>	<b>584,975,476</b>	<b>331,507,425</b>	<b>6,259,989,010</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong năm	3,497,484,653	1,846,021,456	584,975,476	331,507,425	6,259,989,010
- Tăng khác	-	-	-	-	-
<b>3. Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>2,063,127,246</b>	<b>488,831,742</b>	<b>-</b>	<b>2,551,958,988</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	2,063,127,246	488,831,742	-	2,551,958,988
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>13,091,938,284</b>	<b>6,636,811,567</b>	<b>2,491,518,885</b>	<b>1,388,066,837</b>	<b>23,608,335,573</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>21,663,657,768</b>	<b>8,166,614,542</b>	<b>2,545,600,284</b>	<b>398,876,397</b>	<b>32,774,748,991</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>69,774,662,643</b>	<b>10,800,000,654</b>	<b>1,818,486,725</b>	<b>958,591,998</b>	<b>83,351,742,020</b>

## 6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>14,767,369,632</b>				<b>14,767,369,632</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm					-
- Tặng khác					-
<b>3. Số giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>14,767,369,632</b>	-	-	-	<b>14,767,369,632</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>298,583,052</b>				<b>298,583,052</b>
<b>2. Khấu hao trong năm</b>	<b>298,583,052</b>	-	-	-	<b>298,583,052</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong năm	298,583,052				<b>298,583,052</b>
- Tặng khác					-
<b>3. Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý nhượng bán					-
- Giảm khác					-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>597,166,104</b>	-	-	-	<b>597,166,104</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>14,468,786,580</b>	-	-	-	<b>14,468,786,580</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>14,170,203,528</b>	-	-	-	<b>14,170,203,528</b>

## 7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

- Chi phí XDCB dờ dang	29,467,175,430	77,708,586,292
<i>Trong đó: những công trình, hạng mục lớn</i>		
+ Công trình cao ốc văn phòng công ty	173,076,491	48,991,791,786
+ Công trình phường 28, quận Bình Thạnh	950,739,000	950,739,000
+ Công trình Phú Mỹ	28,343,359,939	27,766,055,506
- Mua sắm tài sản cố định	-	-
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-

**Tổng cộng** 29,467,175,430 77,708,586,292

## 8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
1. Đầu tư cổ phiếu	-	-	-	-
2. Đầu tư trái phiếu	-	-	1,000,000,000	1,000,000,000
<i>Trong đó:</i>				
+ Trái phiếu Chính phủ	-	-	1,000,000,000	1,000,000,000
3. Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-	-	-
4. Cho vay dài hạn	-	-	-	-
5. Đầu tư dài hạn khác (DA Phường 28, quận B.Thạnh, Tp.HCM)	-	4,721,578,152	-	4,721,578,152
<b>Tổng cộng</b>		<b>4,721,578,152</b>		<b>5,721,578,152</b>

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	5,219,118,097	3,237,606,539
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần quá lớn	844,344,199	702,149,384
<b>Tổng cộng</b>	<b>6,063,462,296</b>	<b>3,939,755,923</b>



## 10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>31/12/2010</i> <i>VND</i>	<i>01/01/2010</i> <i>VND</i>
<b>10.1. Vay ngắn hạn</b>	<b>121,581,614,674</b>	<b>49,329,779,906</b>
- Vay ngân hàng	121,581,614,674	49,329,779,906
<i>Ngân Hàng Công Thương Việt Nam - CN 7</i>	-	49,329,779,906
<i>Ngân Hàng Đầu Tư &amp; Phát Triển - CN Gia Định</i>	80,000,560,318	-
<i>Ngân Hàng HSBC</i>	41,581,054,356	-
- Vay đối tượng khác	-	-
<b>10.2. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
<b>Tổng cộng</b>	<b>121,581,614,674</b>	<b>49,329,779,906</b>

## 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>31/12/2010</i> <i>VND</i>	<i>01/01/2010</i> <i>VND</i>
<b>11.1. Thuế phải nộp nhà nước</b>	<b>7,497,738,223</b>	<b>11,275,888,931</b>
- Thuế GTGT	525,968,368	10,579,367
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	6,780,508,552	11,256,938,132
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	191,261,303	8,371,432
+ <i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	187,074,018	4,184,147
+ <i>Các loại thuế khác</i>	4,187,285	4,187,285
<b>11.2. Các khoản phải nộp khác</b>	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7,497,738,223</b>	<b>11,275,888,931</b>

## 12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<b>31/12/2010</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2010</b> <b>VND</b>
- Tài sản thừa chờ xử lý	899,613,523	901,313,523
- BHYT, BHXH, BHTN	267,008,582	249,979,872
- KPCĐ	133,802,502	69,329,495
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,084,258,000	4,844,818,754
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,384,682,607</b>	<b>6,065,441,644</b>
+ <i>Phải trả Nhà nước (hàng tạm nhập tái xuất)</i>	<i>170,804,546</i>	
+ <i>Thuế nhập khẩu nguyên phụ liệu</i>	<i>154,301,000</i>	
+ <i>Phải trả phần vốn Nhà nước</i>	<i>239,941,478</i>	
+ <i>Thu theo kháng nghị của Viện Kiểm Sát Bình Thạnh</i>	<i>35,806,400</i>	
+ <i>Phần CP trả chậm phải trả cho Nhà nước</i>	<i>98,700,000</i>	
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>384,704,576</i>	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,084,258,000</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2010*

*Đơn vị tính:  
VND*

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**13.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	102,198,180,000	153,910,785,047	(7,871,875,000)	22,254,746,850	5,066,560,025	63,439,975,248
- Tăng trong năm	25,547,700,000	4,840,645,000		228,852,750	43,348,975	36,754,451,056
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	25,547,700,000	4,840,645,000	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	36,754,451,056
- Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	228,852,750	43,348,975	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	(7,871,875,000)	-	-	51,251,780,452
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCĐ	-	-	-	-	-	6,072,201,725
. Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	228,852,750
. Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	43,348,975
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	5,800,000,000

. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	25,547,700,000
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	19,161,616,500
- Giảm khác	-	-	(7,871,875,000)	-	-	470,262,227
- Số dư cuối năm	127,745,880,000	158,751,430,047	-	22,483,599,600	5,109,909,000	48,942,645,852

**13.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tại ngày 31/12/2010</u>	<u>%</u>	<u>Đầu năm</u>	<u>%</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	3,493,060,000	2.73%	2,794,450,000	2.84%
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	124,252,820,000	97.27%	95,603,730,000	97.16%
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>127,745,880,000</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b>98,398,180,000</b>	<b>100%</b>
* Thặng dư vốn cổ phần	158,751,430,047		153,910,785,047	
* Cổ phiếu ngân quỹ	-		3,800,000,000	(380.000 cổ phiếu)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2010**

*Đơn vị tính: VND*

**13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<b>Năm 2010</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2009</b> <b>VND</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	127,745,880,000	102,198,180,000
+ Vốn góp đầu năm	102,198,180,000	102,198,180,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	25,547,700,000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ		-
+ Vốn góp cuối kỳ	127,745,880,000	102,198,180,000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	19,161,616,500	19,766,696,000

**13.4. Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	chưa công bố	20%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		

**13.5. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2010</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2010</b> <b>VND</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,774,588	10,219,818
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,774,588	10,219,818
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	12,774,588	10,219,818
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	380,000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	-	380,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,774,588	9,839,818
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	12,774,588	9,839,818
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP*

**13.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<i>31/12/2010</i> <i>VND</i>	<i>01/01/2010</i> <i>VND</i>
- Quỹ đầu tư phát triển	22,483,599,600	22,254,746,850
- Quỹ dự phòng tài chính	5,109,909,000	5,066,560,025
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,753,549,513	3,228,875,891

***Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:***

***13.6.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:***

- a) *Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;*
- b) *Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.*

***13.6.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để***

- a) *Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.*
- b) *Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.*

***13.6.3. Quỹ phúc lợi được dùng để:***

- a) *Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.*
- b) *Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.*
- c) *Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;*
- d) *Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
***Năm 2010***

*Đơn vị tính: VND*

**14. DOANH THU**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b><i>Năm 2010</i></b> <b><i>VND</i></b>	<b><i>Năm 2009</i></b> <b><i>VND</i></b>
<b><i>14.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i></b>		
<b><i>- Tổng doanh thu</i></b>	<b><i>416,011,752,891</i></b>	<b><i>562,629,064,603</i></b>
<i>+ Doanh thu bán hàng</i>	<i>401,357,187,992</i>	<i>561,127,992,321</i>
<i>+ Doanh thu cung cấp</i>		

dịch vụ	14,654,564,899	1,501,072,282
<b>- Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		<b>12,925,455</b>
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	12,925,455
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
<b>- Doanh thu thuần</b>	<b>416,011,752,891</b>	<b>562,616,139,148</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	401,357,187,992	561,115,066,866
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	14,654,564,899	1,501,072,282
<b>14.2. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>24,449,411,452</b>	<b>13,021,849,597</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15,631,521,420	7,923,677,855
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	94,441,204	53,600,000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8,723,448,828	5,044,571,742
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
<b>15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	295,783,984,695	386,927,885,172
- Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp	46,873,748,975	81,271,038,197
<b>Tổng cộng</b>	<b>342,657,733,670</b>	<b>468,198,923,369</b>
<b>16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí lãi vay	2,764,075,503	1,992,278,010
- Lộ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	463,184,300	3,187,280,000
- Lộ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,633,741,519	3,810,267,173
- Lộ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán	(541,052,300)	(4,630,671,700)

<b>Tổng cộng</b>	<b>5,319,949,022</b>	<b>4,359,153,483</b>
<b>17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13,507,066,150	13,868,971,822
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
<b>Tổng cộng</b>	<b>13,507,066,150</b>	<b>13,868,971,822</b>

#### 18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

<b>Chỉ tiêu</b>	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	236,920,909,342	314,970,515,630
2. Chi phí nhân công	72,608,534,478	74,567,009,675
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	6,299,083,561	3,794,131,182
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,134,694,982	1,100,241,317
5. Chi phí khác bằng tiền	22,260,283,595	16,492,749,998
<b>Tổng cộng</b>	<b>340,223,505,958</b>	<b>410,924,647,802</b>

#### IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

*Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Quang Đức**

**Nguyễn Thị Thu Vân**

**Lê Hùng**